

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN ĐA KHOA SA ĐÉC NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXT ngày tháng 3 năm 2026
của Hội đồng Xét tuyển viên chức Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
	Vị trí việc làm: Bác sĩ (hạng III)/ Bác sĩ đa khoa. Mã số CDNN: V.08.01.03							
01	001	Cao Nhựt	Anh	09/03/2000		Ấp Tân Hòa, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 1
02	002	Đình Ngô Thái	Bảo	27/05/2001		Số 14A đường Rạch Chùa, tổ 9, khóm Tân An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
03	003	Hồ Tấn	Đạt	04/07/2001		Mỹ Lộc, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	Bác sĩ Y khoa	
04	004	Hồ Chí	Hảo	01/01/1996		Số 389 ấp Long Thành, xã Phú Thọ, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
05	005	Nguyễn Vinh	Hiển	14/01/2000		Số 506 ấp Hòa Thuận, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
06	006	Đoàn Minh	Hiếu	10/04/1967		Số 604 đường Mai Văn Khái, Phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ CKI	
07	007	Võ Hoàng Khánh	Hưng	17/09/1994		Số 547 ấp Bình Thạnh 1, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 2
08	008	Nguyễn Trường	Huy	06/12/2000		Số 44A/3, ấp Định Thành, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
09	009	Trần Lâm	Khang	30/05/2001		Số 313 ấp Hưng Thành Tây A, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
10	010	Dương Nhật	Khánh	19/03/1999		Số 596 ấp Vĩnh Bình A, Xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
11	011	Trang Hồng	Khoa	30/03/2000		Tổ 4 ấp An Lợi, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
12	012	Trần Gia	Linh		07/09/2000	Số 88/1 khóm Khánh Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
13	013	Nguyễn Đình	Long	19/04/2000		Số 142, khu dân cư ấp 1, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
14	014	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		26/09/1997	Số 480A/3 ấp Định Thành, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 01
15	015	Lê Minh	Mẫn	19/10/2001		Số 302B/LH, ấp Long Hội, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
16	016	Dương Hà Nhật	Minh	26/09/2001		Tổ 10 ấp An Thạnh 2, xã Phú Hữu, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
17	017	Đặng Lê	Minh	20/08/1999		Số 195 ấp 4, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
18	018	Hà Hoàng	Minh	08/05/2001		Số 127/3 ấp Hòa Bình, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
19	019	Trần Duy	Nam	17/01/1998		Số 302/2 ấp Hòa Ninh, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
20	020	Phạm Lê Hoài	Nam	19/07/1993		Ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quý, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 02
21	021	Võ Minh Dung	Ngân		09/05/2001	Số 78 ấp Tân Hòa, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
22	022	Lê Thị Hồng	Ngọc		18/01/2001	Số 53A/4 ấp Thới Hòa, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
23	023	Trần Đoàn Phương	Nguyên	10/02/2000		Tuyến dân cư số 7, khóm Bình Thạnh 2, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
24	024	Nguyễn Huỳnh	Nhân	04/07/1999		Số 5/1A ấp An Thới, xã An Bình, tỉnh Vĩnh Long	Bác sĩ Y khoa	
25	025	Nguyễn Trọng	Nhân	21/06/1998		Số 17 ấp Tân Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
26	026	Trần Trúc	Như		31/10/2001	Số 372/1 Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Vĩnh Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
27	027	Mai Xuân	Như		15/10/2000	Số 35 khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 01
28	028	Nguyễn Huỳnh	Như		11/09/1999	Số 451A ấp Bình Hiệp B, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
29	029	Nguyễn Hồ Minh	Nhựt	30/09/2000		Số 351 tổ 05, ấp Phú Thành, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
30	030	Nguyễn Thanh	Phong	18/10/2001		Số 023/6 ấp Tân Thạnh, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
31	031	Đỗ Uyên	Phương		24/06/2001	Số 60D ấp 1, Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
32	032	Cao Thị Xuân	Quyên		04/01/2001	E16-35 Đường Hoàng Văn Thụ, khu phố 5, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	Bác sĩ Y khoa	
33	033	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/11/1997		Ấp 2A, Xã Phương Thịnh, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 02
34	034	Trần Ngọc Thanh	Tâm		05/09/2000	Số 736, ấp Bình Lợi, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
35	035	Nguyễn Minh	Thái	07/09/1992		Tổ 7 ấp 2A, xã Phương Thịnh, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
36	036	Nguyễn Duy	Thanh	19/02/1986		Số 162 ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
37	037	Nguyễn Phương	Thảo		14/06/2000	Số 05 Đường Trần Quốc Toàn, tổ 06, khóm Kiến An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
38	038	Tô Khánh	Thi	30/04/1968		Số 38 Đường Ngô Gia Tự, tổ 5A, khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ CKI	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
39	039	Lại Ngọc Khánh	Thư		16/08/2001	Số 285 Đường Trần Hưng Đạo, khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Chiều ngày 02/4/2026 Phòng thi số 01
40	040	Võ Trung	Tín	18/08/1998		Số 249, tổ 27, khóm Khánh Nhơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
41	041	Trương Bá	Tôn	11/01/1998		Số 1027/1 ấp Long Khánh A, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
42	042	Nguyễn Thị Bích	Trâm		01/11/2000	Số 223/3 ấp Thới Mỹ 1, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
43	043	Cao Minh	Trí	08/12/1999		Số 644C, ấp Bình Hòa 3, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
44	044	Nguyễn Thị Mai	Trinh		14/04/2001	Số 264/3, ấp Hòa Bình, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	Chiều ngày 02/4/2026 Phòng thi số 02
45	045	Nguyễn Thanh Nguyệt	Vân		18/02/2000	Số 367 tổ 16, ấp Tân Hòa, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
46	046	Bùi Lê Yến	Vi		12/01/2001	Số 556B/1 ấp Long Thành B, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Y khoa	
Vị trí việc làm: Bác sĩ (hạng III)/ Bác sĩ Răng Hàm mặt. Mã số CDNN: V.08.01.03								
47	047	Lưu Lê Ngọc	Tuyền		10/11/2000	Số 469/7 Đường Hùng Vương, khóm Cái Sơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Chiều ngày 02/4/2026 Phòng thi số 02
	Vị trí việc làm: Điều dưỡng hạng IV. Mã số CDNN: V.08.05.13							
48	048	Nguyễn Bảo	Châu		08/05/2004	Tổ 01 ấp Phú Thạnh, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 05
49	049	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng		07/04/2001	Số 12 ấp Tân Thạnh 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
50	050	Lê Thị Mỹ	Hồng		27/09/2003	Số 6/2A, khóm Tân Hưng, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
51	051	Lê Quốc	Huy	14/03/1998		Số 21/1 Đường Lê Anh Xuân, Khóm 8, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
52	052	Trang Thị Ánh	Lan		10/01/2002	Số 309 khóm Khánh Nhơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
53	053	Trang Thị Ánh	Mai		10/01/2002	Số 309 khóm Khánh Nhơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
54	054	Đình Phi	Mau	03/12/1993		Số 388B ấp Bình Hiệp A, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 06
55	055	Nguyễn Thị	Ngân		17/09/2001	Tổ 2 ấp 2P, xã Ba Sao, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
56	056	Nguyễn Bảo	Nghi		19/12/1998	Số 392 Đường Lê Lợi, tổ 40, khóm Vườn Hồng, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
57	057	Tăng Minh	Nguyệt		08/06/2002	Số 192, tổ 9, ấp Tân Phú, xã Phú Hữu, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
58	058	Nguyễn Phan Thùy	Nhi		06/03/2003	Số 227/C Tổ 13, ấp Tân Lập, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
59	059	Cao Ngọc	Nhi		26/7/2003	Số 125 TL848 khóm Tân Bình, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 05
60	060	Nguyễn Minh	Nhon	29/03/2003		Số 225 Tổ 05, ấp Phú Thạnh, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
61	061	Đặng Thị Quỳnh	Như		06/08/1993	Số 334/4 Tổ 13, ấp Phú Hòa, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
62	062	Đoàn Minh	Phát	10/12/2004		Số 503 ấp Bình Thạnh 1, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
63	063	Nguyễn Tấn	Phát	25/04/2000		Số 36/36 khóm Phú Mỹ Hiệp, xã Phú Hữu, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
64	064	Trang Thị Ánh	Phuong		10/01/2002	Số 309 khóm Khánh Nhơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 06
65	065	Nguyễn Thị Kim	Thanh		09/10/2003	Số 70 Tổ 13, ấp Tân Hòa 1, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
66	066	Trần Thị Tuyết	Thanh		02/05/2002	Số 141 Tổ 02 Ấp 1, xã Bình hàng Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
67	067	Đồng Ngọc	Thúy		04/07/2003	Ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
68	068	Lê Thị Mỹ	Tiên		21/08/2004	Số 352 ấp Tân Lợi, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
69	069	Võ Thùy	Trang		23/03/2003	Số 167, ĐT 852, khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
70	070	Lê Phạm Thái	Uyên		21/09/1997	TDC E9 ấp An Lợi B, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
71	071	Nguyễn Tường	Vi		13/07/2003	Số 363 ấp Khánh Mỹ A, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Điều dưỡng	
72	072	Trần Thị Mỹ	Xuyên		31/12/2000	Số 124 Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Điều dưỡng	
	Vị trí việc làm: Dược hạng IV. Mã số CDNN: V.08.08.23							
73	073	Thái Ngọc	Ánh		14/03/1997	Số 20 Đường Nguyễn Văn Voi, khóm Phú Mỹ Hiệp, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 07
74	074	Nguyễn Thị Ngọc	Châu		09/02/1999	Số 48 tổ 01, ấp An Hòa Nhì, xã tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
75	075	Nguyễn Thị Anh	Đào		22/04/1996	Số 373 ấp Phú An, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
76	076	Hồ Phước	Dư	29/04/1998		Số 19 Khu chợ Hòa Lạc, ấp An Hòa, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
77	077	Phùng Thị Bích	Dược		12/03/1989	Tổ 27 khóm An Định, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 08
78	078	Võ Thụy Mỹ	Duyên		14/07/2001	Số 47 tổ 15, ấp Tân Thạnh 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
79	079	Nguyễn Hà	Giang		18/09/1991	Số 310 ấp Hậu Thành, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
80	080	Trịnh Mỹ	Hạnh		10/05/2000	Số 284, DT 848, khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
81	081	Hà Nhựt	Huy	26/03/1999		Tổ 04 khóm Bình Nhứt, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
82	082	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền		16/01/1998	Số 120D ấp Vĩnh Bình A, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
83	083	Lê Gia	Hy		19/09/1999	Số 469B/2, ấp Hòa Ninh, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
84	084	Phan Văn Tuấn	Kiệt	17/03/2000		Tổ 6 Ấp 5, xã Phương Thịnh, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
85	085	Nguyễn Thị Trúc	Lan		01/11/2001	Số 18 ấp Tân Đông A, Xã Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 07
86	086	Lữ Trần Phước	Lộc	20/10/2000		Số 177 Đường Trần Phú, khóm Cầu Đình, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
87	087	Nguyễn Thanh Thảo	Ly		03/03/1993	Số 468A ấp An Lợi B, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
88	088	Phạm Thị	Ngọc		08/08/1996	Số 190 khóm Đông Khánh, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
89	089	Đoàn Lê Thúy Ngọc	Ngọc		14/06/2000	Số 491 ấp Bình Tân, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
90	090	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		23/06/1999	Số 538, ấp Khánh Mỹ A, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
91	091	Cao Ngọc Mỹ	Nhân		15/06/1995	Số 197 khóm Khánh Nghĩa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 08
92	092	Bùi Trọng	Nhân	17/02/1995		Số 54A/2 ấp Long Định, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
93	093	Võ Thị Huỳnh	Như		29/09/2001	Số 617A/6, ấp Tân Quý, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
94	094	Võ Thị Hồng	Nhung		25/5/995	Số 486 ấp Tân Trong, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
95	095	Lê Nhựt	Tân		30/07/1997	Số 296A/2 ấp Hòa Ninh, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
96	096	Mai Hà	Thanh		19/10/1997	Số 264 ấp Hậu Thành, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 07
97	097	Phan Thị Minh	Thư		10/11/2002	Số 49 ấp Tân Thuận A, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
98	098	Lưu Hiếu	Thuận	11/10/2002		Số 469/7 Đường Hùng Vương, khóm Cái Sơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
99	099	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		23/08/1994	Số 707, Tổ 18, ấp Long Hữu, xã Long Khánh, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
100	100	Nguyễn Huỳnh	Trân		03/10/2001	Tổ 5 ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quý, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
101	101	Huỳnh Thị Huyền	Trân		24/09/2000	Ấp An Ninh, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 08
102	102	Phạm Lê Bảo	Trân		30/07/1997	Số 69 ấp Hưng Lợi Đông, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
103	103	Nguyễn Thị Huyền	Trang		17/06/1990	Số 1311 ấp Trung, xã Tân Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
104	104	Chiêu Lim Ngọc	Trí	07/01/1999		Số 22 phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long	Cao đẳng Dược	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
105	105	Huỳnh Trương Hồng	Tươi		07/06/1999	Số 100 ấp 1, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
106	106	Lê Thị Thanh	Tuyền		08/06/2002	Số 74 đường Rạch Chùa, khóm Tân An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
107	107	Lê Thị Thúy	Vi		09/08/2002	Số 153 ấp Tây Hạ, Xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang	Cao đẳng Dược	
108	108	Huỳnh Trung Quốc	Việt	15/05/2000		Số 555/B ấp Tân Phú A, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp	Dược sĩ Đại học	
109	109	Ngô Quang	Vinh	10/11/2003		Tổ 26 ấp Long Thới B, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Dược	
	Vị trí việc làm: Kế toán viên trung cấp. Mã số: 06.032							
110	110	Võ Huỳnh	Hương		30/05/1997	Tổ 17 khóm An Nghiệp, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kế toán	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 03
111	111	Nguyễn Thiên	Kim		01/12/2002	Số 65 ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kế toán	
112	112	Trần Thị Kim	Loan		03/11/1996	Tổ 28 ấp Bình Hòa, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kế toán	
113	113	Huỳnh Thị Kim	Tươi		10/01/1984	Số 212 ấp Hưng Hòa, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Kế toán	
	Vị trí việc làm: Kỹ thuật y hạng III. Mã số CDNN: V.08.07.18 (Chuyên ngành Hình ảnh y học)							
114	114	Trần Nguyễn Minh	Khang	06/11/2001		Số 389/4, Ấp Long Hưng 2, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 03
115	115	Trần Gia	Thái	03/07/2001		Số A1/6, ấp An Lợi B, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
116	116	Phan Minh	Thuận	10/06/2002		Ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học	
Vị trí việc làm: Kỹ thuật y hạng III. Mã số CDNN: V.08.07.18 (Chuyên ngành Xét nghiệm y học)								
117	117	Phạm Thái Ngọc	Hân		11/12/2003	Số 160 Rạch Ngã Am, khóm Tân An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 04
118	118	Dương Trung	Kiên	08/01/2002		Ấp Tân Lập, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân kỹ thuật Xét nghiệm y học	
119	119	Phạm Tuyết	Ngân		23/02/2002	Tổ 14 ấp Tân Hòa 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân kỹ thuật Xét nghiệm y học	
120	120	Trần Phương	Ngọc		31/07/2003	Số 89 KDC ấp Long Phú, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	
121	121	Huỳnh Thảo	Nhi		08/10/2001	Số 108 ấp Vĩnh Lợi, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	
122	122	Nguyễn Duy Trúc	Quỳnh		06/06/2002	Tổ 3 Ấp 12, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	
123	123	Nguyễn Đào Cẩm	Thoa		30/01/1999	Số 181/1 ấp Tân Mỹ, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	
124	124	Hồ Thị Anh	Thư		07/08/2001	Số 549 ấp Tân Hòa 1, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
125	125	Nguyễn Trần Anh	Thư		26/09/2002	Số 70/14 Đường Đinh Tiên Hoàng, khóm Phú Mỹ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chiều ngày 01/4/2026 Phòng thi số 04
126	126	Hồ Thị Ngọc	Thùy		06/06/2003	Số 234A ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	
127	127	Nguyễn Thị Hương	Trinh		20/01/1999	Số 316/3 ấp Hòa Bình, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	
128	128	Lê Thị Hồng	Tuyên		24/01/1985	Số 57/D Đường Hùng Vương, ấp Mỹ An 4, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	
129	129	Lê Thị Tường	Vi		01/07/2000	Số 582 ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	
130	130	Nguyễn Hoàng	Vy		30/01/2002	Số 507/17, khóm Cái Sơn, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	
Vị trí việc làm: Kỹ thuật y hạng IV. Mã số CDNN: V.08.07.19 (Chuyên ngành phục hồi chức năng)								
131	131	Nguyễn Thành	Công	18/10/2001		Số 16A đường Nguyễn Cư Trinh, khóm Cầu Đình, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 06
132	132	Trần Anh	Duy	14/08/2002		Số 245, ấp Hưng Mỹ Tây, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	
133	133	Trần Minh	Mẫn	05/07/2002		Số 143A/4 ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng	
134	134	Võ Ngọc Như	Ngân		11/05/2003	Số 136a/Lb, ấp Long Bửu, Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng	

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Ngày thi /Phòng thi
				Nam	Nữ			
135	135	Nguyễn Kim	Nhung		13/07/2002	Số 250 ấp 1, Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 06
136	136	Phan Thanh	Quá	01/10/2001		Số 855A/4 ấp Long Thành A, Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	
137	137	Trương Quốc	Thắng	19/06/2003		Số 635/5 ấp Tân Phú, xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	
138	138	Đỗ Thị Như	Ý		08/08/2000	Số 366A, ấp An Khương, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng	
Vị trí việc làm: Chuyên viên. Mã số: 01.003								
139	139	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc		08/10/2002	Số 433 Đường Lý Thái Tổ, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Vật lý Kỹ thuật	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 03
140	140	Nguyễn Thị Bảo	Trân		04/10/1999	Số 95A/3 ấp Hòa Ninh, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ sư Vật lý kỹ thuật	
Vị trí việc làm: Dinh dưỡng hạng IV. Mã số CDNN: V.08.09.26								
141	141	Hà Diễm	Thúy		14/09/2003	Số 224 ấp Long Bửu, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Dinh dưỡng	Sáng ngày 02/4/2026 Phòng thi số 03
142	142	Nguyễn Thị Bích	Trâm		02/10/2002	Tổ 07 ấp Bình Mỹ B, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Dinh dưỡng	
Vị trí việc làm: Văn thư viên trung cấp. Mã số: 02.008								
143	143	Dương Minh	Huy	02/11/1991		Số 1069/TM, tổ 16, ấp Hưng Lợi, xã Thanh Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Sư phạm địa lý	Sáng ngày 01/4/2026 Phòng thi số 03
144	144	Văng Thị Ngọc	Huyền		26/12/1991	Số 495/B ấp Tân Thanh, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Môi trường	
145	145	Nguyễn Hà Minh	Mẫn	23/08/2001		Số 556A ấp Tân Thạnh, Xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	Cử nhân Kinh tế	

Danh sách có: 145 thí sinh./.